

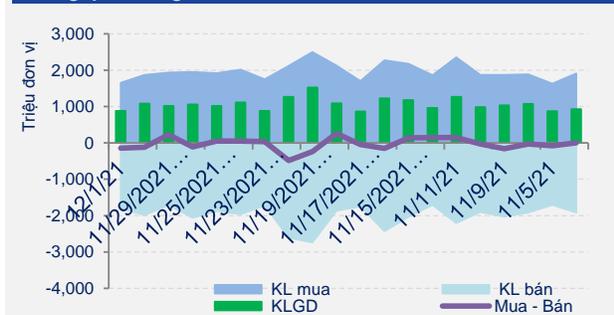
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 12/1/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,485.19	455.81
% Thay đổi	↑ 0.46%	↓ -0.49%
KLGD (CP)	876,732,002	136,558,937
GTGD (tỷ đồng)	26,593.09	3,404.82
Tổng cung (CP)	1,799,831,000	184,420,400
Tổng cầu (CP)	1,653,474,000	177,476,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	49,068,556	2,141,802
KL mua (CP)	29,766,300	257,787
GT mua (tỷ đồng)	1,161.81	5.51
GT bán (tỷ đồng)	2,231.94	58.90
GT ròng (tỷ đồng)	(1,070.13)	(53.39)

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.72%	24.1	3.8	0.9%
Công nghiệp	↓ -0.26%	24.6	3.5	15.8%
Dầu khí	↑ 0.83%	18.2	1.9	1.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.22%	-	6.7	3.3%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.26%	18.6	2.7	1.1%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.35%	23.1	4.0	8.5%
Ngân hàng	↑ 1.13%	11.9	2.3	14.8%
Nguyên vật liệu	↑ 0.13%	11.7	2.7	12.3%
Tài chính	↓ -0.03%	21.0	3.7	39.7%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.46%	16.3	2.6	2.1%
VN - Index	↑ 0.46%	17.5	2.9	
HNX - Index	↓ -0.49%	25.2	5.1	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản tiếp tục dưới mức trung bình. Cụ thể, VN-Index tăng 6,75 điểm (+0,46%) lên 1.485,19 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là trung tính với 241 mã tăng, 45 mã tham chiếu, 243 mã giảm. HNX-Index giảm 2,24 điểm (-0,49%) xuống 455,81 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 151 mã tăng, 53 mã tham chiếu, 123 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 965 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 28.005 tỷ đồng. Cổ phiếu ngân hàng là tâm điểm trong phiên hôm nay khi quay đầu tăng mạnh trong khoảng 30 phút cuối phiên, giúp cho chỉ số VN-Index và VN30 kết phiên trong sắc xanh, có thể kể đến các mã như TPB (+7%), HDB (+4,9%), MSB (+3,8%), STB (+3,5%), KLB (+3,4%), OCB (+2%), VIB (+1,9%), MBB (+1,7%), LPB (+1,6%), BVB (+1,3%), CTG (+1,3%), TCB (+1,2%)... Bên cạnh đó, một số cổ phiếu vốn hóa lớn cũng tăng giá để nâng đỡ thị trường như POW (+3,7%), NVL (+3,6%), SAB (+1,6%), FPT (+1,1%), VIC (+1%)... Ở chiều ngược lại, vẫn còn một số cổ phiếu lớn điều chỉnh khiến thị trường không thể tăng mạnh, có thể kể đến VHM (-2%), VJC (-2%), SSI (-1,3%), KDH (-1%), GVR (-0,8%), PDR (-0,6%), PNJ (-0,6%)... Nhóm cổ phiếu hóa chất và phân bón giao dịch tích cực với nhiều mã tăng mạnh như DCM (+5,9%), DPM (+3,6%), HAI (+6,9%), BFC (+3,1%), LAS (+1,7%), CSV (+1,4%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-Index (+0,46%) hồi phục nhẹ sau ba phiên điều chỉnh liên tiếp trước đó. Thanh khoản khớp lệnh trong phiên hôm nay suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là chưa thực sự mạnh và dòng tiền vẫn đang có sự thận trọng nhất định. Trên góc nhìn kỹ thuật, VN-Index một lần nữa test thành công hỗ trợ ngắn hạn quanh 1.470 điểm (MA20) và hồi phục trở lại nên khả năng tiếp tục xu hướng tăng nhằm lấy lại ngưỡng 1.500 điểm trong các phiên tới là có thể xảy ra. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 2/12, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại hỗ trợ 1.470 điểm (MA20) và xa hơn là hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm và mua thêm khi thị trường test hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm đã chốt lời một phần danh mục trong tuần trước nên duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức vừa phải trong giai đoạn hiện tại.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

12/1/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch khá giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số đạt mức cao nhất trong phiên tại 1.487,68 điểm và mức thấp nhất trong phiên tại 1.471,3 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 6,75 điểm (+0,46%) lên 1.485,19 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: NVL tăng 4.000 đồng, VIC tăng 1.000 đồng, TPB tăng 3.150 đồng. Ở chiều ngược lại, VHM giảm 1.700 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm nhẹ vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 458,62 điểm. Nhưng ngay sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 454,02 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 2,24 điểm (-0,49%) xuống 455,81 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: L14 giảm 18.000 đồng, CEO giảm 2.100 đồng, SHS giảm 1.300 đồng. Ở chiều ngược lại, HUT tăng 1.600 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 1.074,57 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 17,9 triệu đơn vị. VHM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 165,1 tỷ đồng tương ứng với 2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VIC với 121,1 tỷ đồng tương ứng với 1,1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CTG là mã được mua ròng nhiều nhất với 68,2 tỷ đồng tương ứng với 503 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 55,05 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,9 triệu cổ phiếu. CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 26,1 tỷ đồng tương ứng với 673 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là HUT với 11,1 tỷ đồng tương ứng với 615 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVG là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 641 triệu đồng tương ứng với 43,4 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục nhẹ trong phiên hôm nay với khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là không thực sự mạnh và dòng tiền vẫn đang có sự thận trọng nhất định ở thời điểm hiện tại.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên hồi phục nhẹ sau ba phiên điều chỉnh liên tiếp thì chỉ số VN-Index (+0,46%) tiếp tục kết phiên trên ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 1.470 điểm (MA20) nên xu hướng tăng thuộc sóng 5 của thị trường vẫn chưa có gì thay đổi và khả năng để VN-Index hướng đến kháng cự tâm lý 1.500 điểm trong các phiên tới là có thể xảy ra.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại những hỗ trợ gần nhất lần lượt là 1.470 điểm (MA20) và hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 2/12, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để thu hẹp dần khoảng cách với ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PMI tháng 11 đạt 52.2 điểm, tình trạng thiếu hụt lao động đe dọa quá trình phục hồi

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (Purchasing Managers' Index - PMI) ngành sản xuất Việt Nam tăng lên 52.2 điểm trong tháng 11, so với 52.1 điểm trong tháng 10, cho thấy các điều kiện kinh doanh cải thiện tháng thứ hai liên tiếp sau thời kỳ giảm do làn sóng đại dịch Covid-19 trước đó trong năm.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước đi ngang	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 59,85 - 60,45 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 50.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 4 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 1/12 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.143 VND/USD, tăng 4 đồng so với hôm qua.

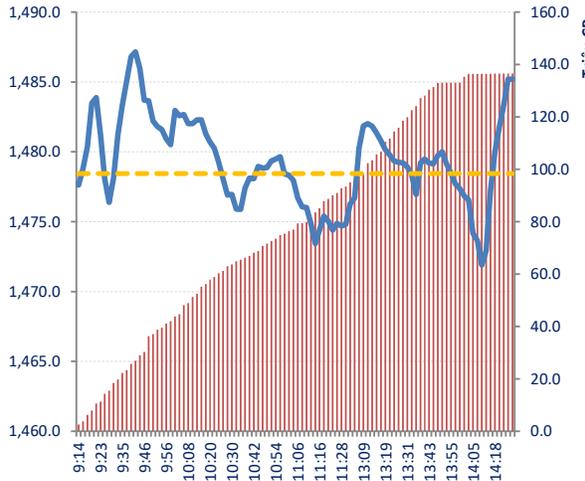
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 6,6 USD/ounce tương ứng với 0,37% lên 1.783,1 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,072 điểm tương ứng 0,07% xuống 95,935 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1331 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3324 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 113,47 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 2,68 USD/thùng tương ứng với 4,05% lên 68,86 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/11, Dow Jones giảm 652,22 điểm tương đương 1,86% xuống 34.483,72 điểm. Nasdaq giảm 245,44 điểm tương đương 1,55% xuống 15.537,69 điểm. Nasdaq Composite giảm 88,27 điểm tương đương 1,9% xuống 4.567 điểm.

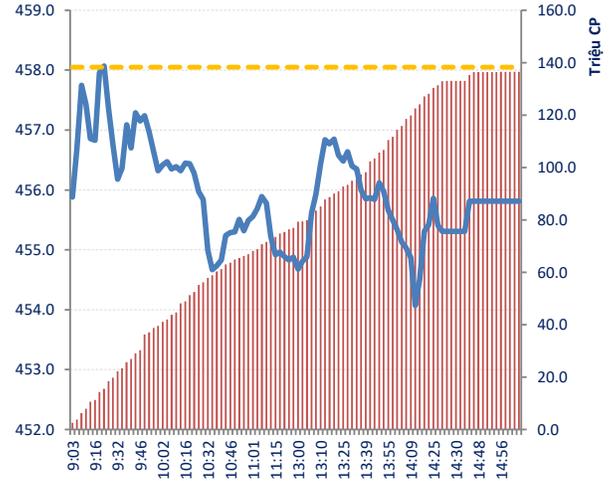


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



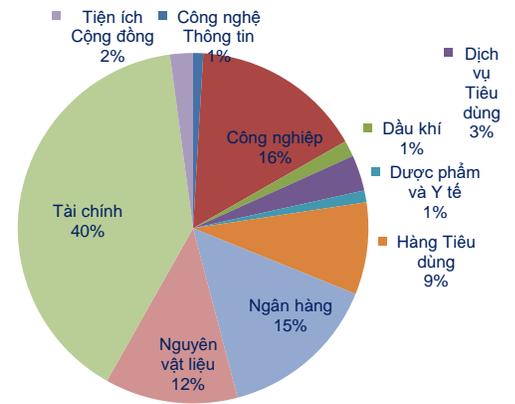
KLGD và HNX-Index trong phiên



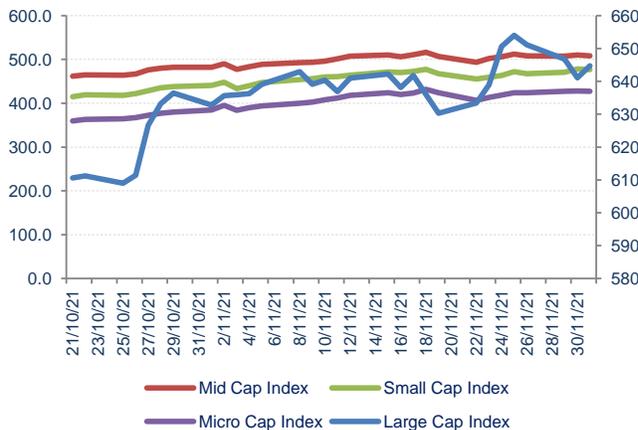
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



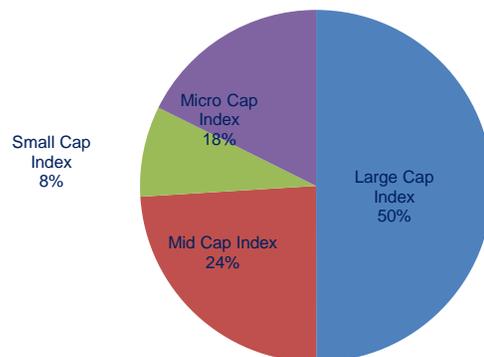
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	2,021,400	VHM	1,979,900
2	HAG	1,149,800	SHB	1,965,600
3	STB	657,400	DXG	1,425,400
4	HVN	524,000	VIC	1,148,600
5	DCM	503,200	DXS	1,033,600

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KVC	46,700	CEO	673,300
2	PVG	43,400	HUT	614,900
3	PVL	27,508	CTB	265,084
4	NDN	15,300	IVS	203,700
5	NST	11,300	KLF	132,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ROS	6.93	7.41	↑ 6.93%	40,267,600
HAG	8.23	8.70	↑ 5.71%	31,901,600
DXG	32.70	33.25	↑ 1.68%	27,745,000
FLC	14.65	15.50	↑ 5.80%	24,607,200
VPB	37.70	37.90	↑ 0.53%	23,499,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	5.90	6.40	↑ 8.47%	13,324,467
SHS	54.60	53.30	↓ -2.38%	11,271,467
HUT	16.70	18.30	↑ 9.58%	9,848,825
CEO	40.50	38.40	↓ -5.19%	6,603,180
ART	15.00	15.80	↑ 5.33%	5,681,676

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DAH	10.00	10.70	0.70	↑ 7.00%
TPB	45.10	48.25	3.15	↑ 6.98%
CIG	10.75	11.50	0.75	↑ 6.98%
SHA	8.90	9.52	0.62	↑ 6.97%
CVT	44.60	47.70	3.10	↑ 6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VMC	19.10	21.00	1.90	↑ 9.95%
NFC	13.10	14.40	1.30	↑ 9.92%
MCO	9.10	10.00	0.90	↑ 9.89%
SGC	56.70	62.30	5.60	↑ 9.88%
FID	8.10	8.90	0.80	↑ 9.88%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SJF	20.90	19.45	-1.45	↓ -6.94%
SVT	23.20	21.60	-1.60	↓ -6.90%
PTC	32.00	29.80	-2.20	↓ -6.88%
NAV	26.20	24.40	-1.80	↓ -6.87%
KHP	23.35	21.75	-1.60	↓ -6.85%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDA	67.50	60.80	-6.70	↓ -9.93%
V21	16.30	14.70	-1.60	↓ -9.82%
ECI	38.90	35.10	-3.80	↓ -9.77%
QHD	40.30	36.60	-3.70	↓ -9.18%
NHC	35.00	32.00	-3.00	↓ -8.57%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	135.35	38.3%	8,968	9.4	3.1
MSN	91.05	8.4%	2,032	73.4	5.4
LPB	86.44	17.7%	2,240	10.0	1.7
SHB	47.03	17.8%	2,168	10.8	1.8
VIC	43.89	2.9%	1,111	94.5	2.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-87.42	18.1%	3,439	9.8	1.7
MWG	-67.10	24.6%	6,071	22.9	5.3
STB	-66.15	11.1%	1,864	15.5	1.6
FPT	-37.86	20.4%	4,436	21.9	4.3
MBB	-30.31	20.3%	2,943	9.9	1.9

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	40.51	7.5%	1,406	23.3	1.5
CTG	5.65	18.1%	3,439	9.8	1.7
HPG	4.57	44.7%	7,085	6.9	2.6
SSI	4.19	16.5%	2,054	27.2	3.2
FRT	3.83	8.9%	1,446	40.1	3.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MCG	-9.49	-8.9%	(409)	-	3.0
HCM	-8.87	19.2%	2,711	18.1	3.1
VND	-7.79	34.3%	4,835	16.3	3.6
PAN	-6.12	3.4%	1,006	40.2	1.3
FLC	-5.70	13.1%	1,967	7.4	1.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	77.35	2.9%	1,111	94.5	2.4
MWG	67.10	24.6%	6,071	22.9	5.3
STB	46.98	11.1%	1,864	15.5	1.6
GAS	38.75	16.9%	4,384	22.4	3.7
FPT	37.96	20.4%	4,436	21.9	4.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	-86.20	17.7%	2,240	10.0	1.7
SZC	-31.11	20.9%	2,793	21.1	4.2
DPM	-17.95	18.4%	4,029	12.5	2.2
HPG	-15.38	44.7%	7,085	6.9	2.6
HQC	-14.37	0.1%	9	733.1	0.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	62.70	18.1%	3,439	9.8	1.7
DCM	20.73	15.8%	1,952	19.5	3.0
STB	19.18	11.1%	1,864	15.5	1.6
HVN	11.79	-463.6%	(7,529)	-	-
VRE	11.52	7.2%	954	31.2	2.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-165.23	38.3%	8,968	9.4	3.1
VIC	-121.49	2.9%	1,111	94.5	2.4
MSN	-119.89	8.4%	2,032	73.4	5.4
DXG	-86.69	7.5%	1,406	23.3	1.5
GAS	-74.85	16.9%	4,384	22.4	3.7



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	40,267,600	3.1%	324	21.4	0.7
HAG	31,901,600	3250.0%	(1,220)	-	1.5
DXG	27,745,000	7.5%	1,406	23.3	1.5
FLC	24,607,200	13.1%	1,967	7.4	1.1
VPB	23,499,000	21.2%	2,772	13.6	2.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	13,324,467	0.1%	6	970.9	0.6
SHS	11,271,467	25.5%	3,205	17.0	2.6
HUT	9,848,825	-9.9%	(1,066)	-	1.6
CEO	6,603,180	-4.7%	(606)	-	3.2
ART	5,681,676	0.3%	32	474.5	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DAH	↑ 7.0%	0.1%	10	953.4	1.0
TPB	↑ 7.0%	23.1%	4,366	10.3	2.1
CIG	↑ 7.0%	-9.0%	(458)	-	2.2
SHA	↑ 7.0%	4.9%	597	14.9	0.7
CVT	↑ 7.0%	14.2%	2,828	15.8	2.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VMC	↑ 9.9%	0.9%	156	122.6	1.1
NFC	↑ 9.9%	6.4%	742	17.7	1.1
MCO	↑ 9.9%	0.3%	35	257.0	0.7
SGC	↑ 9.9%	16.9%	3,114	18.2	2.9
FID	↑ 9.9%	1.1%	107	75.7	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	2,021,400	18.1%	3,439	9.8	1.7
HAG	1,149,800	-18.4%	(1,220)	-	1.5
STB	657,400	11.1%	1,864	15.5	1.6
HVN	524,000	-463.6%	(7,529)	-	-
DCM	503,200	15.8%	1,952	19.5	3.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KVC	46,700	-7.3%	(748)	-	0.8
PVG	43,400	4.3%	578	25.6	1.1
PVL	27,508	9.9%	475	46.6	4.3
NDN	15,300	28.9%	3,986	5.7	1.6
NST	11,300	3.0%	448	21.2	-

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	399,548	2.9%	1,111	94.5	2.4
VHM	368,379	38.3%	8,968	9.4	3.1
VCB	366,808	20.4%	5,696	17.4	3.3
HPG	218,950	44.7%	7,085	6.9	2.6
GAS	188,141	16.9%	4,384	22.4	3.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	88,340	25.2%	4,694	53.8	15.3
IDC	23,400	11.8%	1,805	43.2	5.0
KSF	21,270	8.8%	766	92.6	3.6
VCS	19,344	41.5%	11,163	10.8	4.1
SHS	17,759	25.5%	3,205	17.0	2.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.98	2.1%	292	78.6	1.6
HAI	2.50	0.7%	87	78.4	0.6
DAH	2.46	0.1%	10	953.4	1.0
DIG	2.43	13.1%	1,522	45.0	5.2
FTS	2.37	22.7%	3,581	20.1	4.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	2.92	13.6%	1,987	143.9	17.4
PVL	2.90	9.9%	475	46.6	4.3
BTS	2.79	-0.4%	(42)	-	1.1
APS	2.75	22.8%	1,744	29.0	4.5
L18	2.49	4.5%	683	79.1	3.8



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
